



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực - huyện Bến Lức - tỉnh Long An

Điện thoại: 0723.872.848

Fax: 0723.655.335

Website: www.hoanglonggroup.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2016

TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

MÃ SỐ THUẾ: 1100414052

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2016	01 - 02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	04
Thuyết minh báo cáo tài chính	05 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437,179,573,636	565,601,353,030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		192,120,994	594,449,096
1. Tiền	111	5.1	192,120,994	594,449,096
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408,991,471,511	536,950,117,631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	99,290,906,526	271,127,967,235
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	44,523,345,999	27,860,512,949
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	234,554,790,172	177,670,584,172
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	49,799,863,383	79,626,447,197
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(19,177,434,569)	(19,335,393,922)
III. Hàng tồn kho	140		27,339,090,289	27,436,733,047
1. Hàng tồn kho	141	5.7	27,491,850,324	27,589,493,082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(152,760,035)	(152,760,035)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		656,890,842	620,053,256
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		606,756,886	569,919,300
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		50,133,956	50,133,956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		656,573,865,706	667,430,873,737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80,000,000,000	80,000,000,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	80,000,000,000	80,000,000,000
II. Tài sản cố định	220		4,395,057,018	4,710,845,478
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4,395,057,018	4,710,845,478
- Nguyên giá	222		8,060,420,487	8,060,420,487
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,665,363,469)	(3,349,575,009)
III. Bất động sản đầu tư	230		20,584,945,442	20,559,701,344
- Nguyên giá	231	5.10	22,919,360,706	22,919,360,706
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2,334,415,264)	(2,359,659,362)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		79,146,068	22,380,068
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		79,146,068	22,380,068
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	499,678,277,521	499,678,277,521
1. Đầu tư vào công ty con	251		445,566,279,000	445,566,279,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		133,125,000,000	133,125,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(79,013,001,479)	(79,013,001,479)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51,836,439,657	62,459,669,326
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,211,034,273	3,250,955,357
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	48,625,405,384	59,208,713,969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,093,753,439,342	1,233,032,226,767

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		689,458,173,326	871,083,711,466
I. Nợ ngắn hạn	310		342,377,751,424	520,265,869,614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	108,711,816,783	92,005,273,525
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6,135,514,786	4,708,176,946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	807,323,792	806,265,908
4. Phải trả người lao động	314		232,853,274	571,356,236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		493,142,507	544,249,195
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	61,149,811,107	94,978,960,512
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	148,758,256,536	310,520,279,653
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16,089,032,639	16,131,307,639
II. Nợ dài hạn	330		347,080,421,902	350,817,841,852
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		7,851,274,545	8,519,074,545
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	18,513,790,507	18,513,790,507
3. Phải trả dài hạn khác	337		255,000,000	255,000,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	320,460,356,850	323,529,976,800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	404,295,266,016	361,948,515,301
I. Vốn chủ sở hữu	410		404,295,266,016	361,948,515,301
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443,753,850,000	443,753,850,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443,753,850,000	443,753,850,000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		36,479,743,076	36,479,743,076
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68,438,327,060)	(110,785,077,775)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(110,785,077,775)	(194,571,911,519)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42,346,750,715	83,786,833,744
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,093,753,439,342	1,233,032,226,767

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THỊ NGỌC ĐIỀN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	191,662,238,800	70,727,810,559	334,419,655,626	106,393,865,819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2		0	410,400,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191,662,238,800	70,727,810,559	334,009,255,626	106,393,865,819
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	158,275,330,074	68,808,369,736	278,562,715,185	103,603,366,725
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33,386,908,726	1,919,440,823	55,446,540,441	2,790,499,094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	8,143,846,262	6,604,277,772	14,167,050,820	12,692,523,870
7. Chi phí tài chính	22	6.5	7,321,656,568	14,231,076,210	13,556,957,090	22,852,648,040
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>7,254,077,233</i>	<i>7,357,937,553</i>	<i>13,401,517,518</i>	<i>12,435,704,204</i>
8. Chi phí bán hàng	24			69,276,950		797,364,065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	1,809,095,150	1,350,506,754	2,668,447,196	2,137,388,533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32,400,003,270	(7,127,141,319)	53,388,186,975	(10,304,377,674)
11. Thu nhập khác	31	6.7	227,017,165	40,550,000	227,092,165	61,800,000
12. Chi phí khác	32		548,697,808	23,717,255	685,219,840	23,717,255
13. Lợi nhuận khác	40		(321,680,643)	16,832,745	(458,127,675)	38,082,745
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,078,322,627	(7,110,308,574)	52,930,059,300	(10,266,294,929)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			(25,768,681)		36,184,469
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	6,412,961,250	(3,136,472)	10,583,308,585	(3,136,472)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25,665,361,377	(7,081,403,421)	42,346,750,715	(10,299,342,926)

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ NGỌC ĐIỀN

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

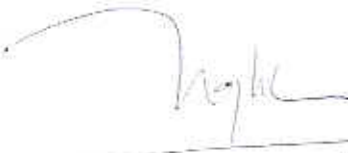
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52,930,059,300	(10,266,294,929)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		290,544,362	439,309,524
Các khoản dự phòng	03		(157,959,353)	2,558,062,369
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(863,402,761)	6,873,138,657
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,284,557,320)	(12,664,195,028)
Chi phí lãi vay	06		13,401,517,518	12,435,704,204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		52,316,201,746	(624,275,203)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		155,137,017,073	(11,986,141,585)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40,876,758	72,436,558
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		15,563,555,043	(4,358,652,167)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		39,921,084	1,364,541
Tiền lãi vay đã trả			(9,630,185,331)	(1,705,170,658)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14		(42,275,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		213,425,111,373	(18,600,438,514)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(166,428,509,092)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		109,544,303,092	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37,660,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43,110,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,514,134	823,599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51,432,691,866)	823,599
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	369,637,783,050	65,629,045,979
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(532,031,920,047)	(46,134,308,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(162,394,136,997)	19,494,737,979
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(401,717,490)	895,123,064
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		594,449,096	269,152,004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(610,612)	2,130,728
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		192,120,994	1,166,405,796

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THỊ NGỌC ĐIÊN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 443.753.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 21 người.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản lắp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mượn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
1. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Số 68, đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH MTV Thúc đẩy Thủy sản Mekong	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	100%
Công ty liên kết:				
1. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, P.Tân Phong, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh	30%	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong kỳ Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ hoặc tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Dự án bất động sản đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm các chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ hoặc dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và thiếu hụt phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

114
GT
HI
DO
GU
:-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí sử dụng diện tích đất tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Long An, Việt Nam và quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Long Cang. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	02 năm

4.9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

4.10. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về bán bất động sản.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh

thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.23. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	177.670.584.172	9.768.816.471
Phải thu ngắn hạn khác	79.626.447.197	247.528.214.898
Phải trả ngắn hạn khác	94.978.960.512	95.233.960.512
Phải trả dài hạn khác	255.000.000	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	33.343.547	440.857.442
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	158.777.447	153.591.654
Cộng	192.120.994	594.449.096

(Xem tiếp trang sau)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND					
	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	85.000.000.000	62.578.600.466	22.421.399.534	85.000.000.000	62.578.600.466	22.421.399.534
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	160.566.279.000	110.104.338.108	50.461.940.892	160.566.279.000	110.104.338.108	50.461.940.892
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	70.000.000.000	64.875.466.515	5.124.533.485	70.000.000.000	64.875.466.515	5.124.533.485
Công ty TNN MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
Cộng	445.566.279.000	367.558.405.089	78.007.873.911	445.566.279.000	367.558.405.089	78.007.873.911
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	133.125.000.000	132.119.872.432	1.005.127.568	133.125.000.000	132.119.872.432	1.005.127.568
Cộng	133.125.000.000	132.119.872.432	1.005.127.568	133.125.000.000	132.119.872.432	1.005.127.568

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công Ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long	44.195.761.407	193.670.462.716
Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	24.775.540.083	29.575.540.083
Công Ty TNHH MTV Đầu tư-PTHT Hoàng Long	2.000.000.000	22.000.000.000
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Các khách hàng khác	19.462.880.036	17.025.239.436
Cộng	99.290.906.526	271.127.967.235

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8:

Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	2.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH MTV TATS Mekong	3.008.850.600	-
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Cộng	13.865.575.600	30.856.725.000

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	27.584.178.000	27.584.178.000
Công Ty TNHH MTV Chế biến TS Hoàng Long	16.662.283.050	-
Các đối tượng khác	276.884.949	276.334.949
Cộng	44.523.345.999	27.860.512.949

5.5. Phải thu về cho vay

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn - Xem thêm mục 8:		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	7.613.022.471	8.467.576.471
Công ty TNHH MTV Thực ăn Thủy sản Mekong	-	1.301.240.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	206.218.615.757	151.958.615.757
Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh	14.471.198.200	14.471.198.200
Công ty CP CB & XNK Thủy sản Cadovimex II	4.780.000.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	1.471.953.744	1.471.953.744
Cộng	234.554.790.172	177.670.584.172
Dài hạn:		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long - Xem thêm mục 8	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.6. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về chuyển nhượng Công ty con	2.100.000.000	-	45.210.000.000	-
Phải thu tiền lãi Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 8	28.565.871.735	-	15.282.828.549	-
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 8	17.716.678.851	-	17.716.678.851	-
Tạm ứng	5.658.399	-	4.053.999	-
Phải thu khác	1.411.654.398	(1.400.695.029)	1.412.885.798	(1.400.695.029)
Cộng	49.799.863.383	1.411.654.398	79.626.447.197	1.412.885.798

5.7. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	152.760.035	(152.760.035)	152.760.035	(152.760.035)
Thành phẩm	27.339.090.289	-	27.436.733.047	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	27.491.850.324	(152.760.035)	27.589.493.082	(152.760.035)

(Xem tiếp trang sau)

5.8. Nợ xấu

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	19.495.193.410	317.758.841	19.791.605.578	456.211.656
Cộng	19.495.193.410	317.758.841	19.791.605.578	456.211.656

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Nguyễn Tấn Trung	1.960.634.333	-	hơn 3 năm	1.960.634.333	-	hơn 3 năm
Nguyễn Nhật Linh	1.793.871.902	-	hơn 3 năm	1.938.794.102	-	hơn 3 năm
Mai Thị Thu	1.724.223.344	-	hơn 3 năm	1.796.683.944	-	hơn 3 năm
Các khách hàng khác	14.016.463.831	317.758.841	từ hơn 1 năm đến hơn 3 năm	14.095.493.199	456.211.656	từ hơn 1 năm đến hơn 3 năm
Cộng	19.495.193.410	317.758.841		19.791.605.578	456.211.656	

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	2.100.918.352	825.053.463	254.016.826	4.880.431.846	8.060.420.487
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.100.918.352	825.053.463	254.016.826	4.880.431.846	8.060.420.487
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	2.100.918.352	526.118.451	254.016.826	468.521.380	3.349.575.009
Khấu hao trong kỳ	-	81.527.730	-	234.260.730	315.788.460
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.100.918.352	607.646.181	254.016.826	702.782.110	3.665.363.469
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	-	298.935.012	-	4.411.910.466	4.710.845.478
Tại ngày cuối kỳ	-	217.407.282	-	4.177.649.736	4.395.057.018

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.527.766.823 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	VND
			Số cuối kỳ
Nguyên giá:			
Quyền sử dụng đất	17.340.160.000	-	17.340.160.000
Nhà	5.579.200.706	-	5.579.200.706
Cộng	22.919.360.706	-	22.919.360.706
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Quyền sử dụng đất	-	-	-
Nhà	2.359.659.362	(25.244.098)	2.334.415.264
Cộng	2.359.659.362	(25.244.098)	2.334.415.264
Giá trị còn lại:			
Quyền sử dụng đất	17.340.160.000	-	17.340.160.000
Nhà	3.219.541.344	25.244.098	3.244.785.442
Cộng	20.559.701.344	(69.740.010)	20.584.945.442

Toàn bộ bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.11.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Vay ngắn hạn Công ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long	-	-	296.021.000.000	418.458.306.699	122.437.306.699	
Vay ngắn hạn các bên liên quan	101.143.256.536	101.143.256.536	51.480.000.000	90.501.329.908	140.164.586.444	140.164.586.444	
Vay ngắn hạn ngân hàng	47.615.000.000	47.615.000.000	22.136.783.050	22.440.169.560	47.918.386.510	47.918.386.510	
Vay dài hạn	320.460.356.850	320.460.356.850	-	3.069.619.950	323.529.976.800	323.529.976.800	
Cộng	469.218.613.386	469.218.613.386	369.637.783.050	534.469.426.117	634.050.256.453	634.050.256.453	

Vay ngắn hạn các bên liên quan với lãi suất từ 8%/năm đến 11%/năm đối với VND.

Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Long An được thế chấp bằng bất động sản, quyền sử dụng đất và các giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23/03/2011 và 0138/NHNT-TDC/TC14 ngày 11/09/2014 – xem thêm mục 5.10. Các khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm đối với VND.

Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 149/2011/HM/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 và các hợp đồng cấp tín dụng khác tính đến tháng 30/06/2016 nợ gốc là 14.338.271 USD.

Theo thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 10/10/2014 và Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 20/03/2015. Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại các khoản vay ngắn hạn của đơn vị thành khoản vay dài hạn. Thời gian bắt đầu trả nợ gốc: trả nợ hàng quý, kỳ trả nợ đầu tiên là Quý 1/2018 cho đến Quý 3/2023. Lãi suất là 5%/năm. Lãi phát sinh bắt đầu trả từ tháng 01/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Các khoản vay các bên liên quan được chi tiết như sau – Xem thêm mục 8:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	5.640.000.000
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	12.341.684.384	26.973.673.384
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	63.214.217.792	78.955.517.792
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	25.557.354.360	25.164.354.360
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	30.000.000	3.431.040.908
Cộng	101.143.256.536	140.164.586.444

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	39.310.962.576	39.310.962.576	39.310.962.576	39.310.962.576
DNTN Thương Mại Thanh Đông	34.285.139.050	34.285.139.050	25.516.322.350	25.516.322.350
Công ty Cổ phần HUM	21.704.403.255	21.704.403.255	17.605.919.170	17.605.919.170
Chia Tung Development Corp., Ltd	7.316.615.517	7.316.615.517	7.380.466.044	7.380.466.044
Các đối tượng khác	6.094.696.385	6.094.696.385	2.191.603.385	2.191.603.385
Cộng	108.711.816.783	108.711.816.783	92.005.273.525	92.005.273.525

Trong đó, khoản phải trả các bên liên quan tại 30/06/2016 là 39.532.610.476 đồng – Xem thêm mục 8.

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ban QLDA Công Trình Ngành Nông Nghiệp - Sở NN & PTNT Tỉnh Đồng Tháp (Rạch Xếp Cái Dầu)	2.157.013.000	2.157.013.000
Ban Quản Lý Dự Án Công Trình Ngành Nông Nghiệp - Đồng Tháp	1.149.056.000	1.149.056.000
Các đối tượng khác	2.829.445.786	1.402.107.946
Cộng	6.135.514.786	4.708.176.946

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND Cuối năm
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.213.338	-	-	204.213.338
Thuế thu nhập cá nhân	36.713.020	74.483.924	73.426.040	37.770.904
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phi, lệ phí, khoản phải nộp khác	565.339.550	-	-	565.339.550
Cộng	806.265.908	78.483.924	77.426.040	807.323.792

5.15. Chi phí phải trả dài hạn

Đây là khoản chi phí phải trả của Công trình Long Kim 2.

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	29.013.330	14.397.050
Bảo hiểm xã hội	30.795.440	-
Nhận ký quỹ ký cược	-	-
Phải trả về việc mua công ty con	-	37.210.000.000
Công ty Cổ phần Thanh Mỹ	4.420.868.585	4.870.868.585
Phải trả lãi vay ngân hàng	39.292.548.918	38.825.553.583
Lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Công nghệ Thương mại Hoàng Long - Xem thêm mục 8	4.627.023.935	3.247.525.388
Lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long - Xem thêm mục 8	11.450.944.993	9.512.000.000
Ông Phạm Phúc Toại - Xem thêm mục 8	3.735.424	3.735.424
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.294.880.482	1.294.880.482
Cộng	61.149.811.107	94.978.960.512

5.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí khu đất Long Kim	2.806.196.162	2.802.995.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ tính thuế chưa sử dụng	45.819.209.222	56.405.718.953
Cộng	48.236.686.624	59.208.713.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quý thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(194.571.911.519)	278.161.681.557
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	83.786.833.744	83.786.833.744
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(110.785.077.775)	361.948.515.301
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	42.346.750.715	42.346.750.715
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(68.438.327.060)	404.295.266.016

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5.18.2. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	3.534,22	3.956,07

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	191.032.238.800	70.110.716.014
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	375.000.000	-
Doanh thu hoạt động thi công	-	-
Doanh thu dịch vụ	255.000.000	617.094.545
Cộng	191.662.238.800	70.727.810.559
Doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8:		
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	-	545.454.545
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	3.008.850.600	11.372.248.214
Cộng	3.008.850.600	11.917.702.759

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Quý 2 năm 2016 không có khoản giảm trừ doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.3. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	157.797.194.850	67.974.109.006
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	98.828.703	-
Giá vốn hoạt động thi công	-	-
Giá vốn dịch vụ	379.306.521	834.260.730
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	158.275.330.074	68.808.369.736

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	760.238	492.394
Lãi cho vay, lãi trả chậm từ các công ty	7.270.261.443	6.603.785.378
Lợi nhuận đầu tư vào các công ty con	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.421.820	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.500.745.985	-
Thu nhập từ chuyển nhượng công ty con	-	-
Cộng	8.143.846.262	6.604.277.772

6.5. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	7.254.077.233	7.357.937.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.579.335	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.873.138.657
Chiết khấu thanh toán	-	-
Cộng	7.321.656.568	14.231.076.210

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	830.097.354	756.321.913
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.426.000	4.620.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	(41.435.857)	102.524.397
Thuế, phí và lệ phí	15.317.800	3.755.500
Chi phí dự phòng	577.206.047	(74.275.608)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.626.628	144.091.520
Chi phí bằng tiền khác	305.857.178	413.468.532
Cộng	1.809.095.150	1.350.506.754

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	221.051.710	-
Khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ nay thu lại được	-	-
Thu nhập khác	5.965.455	40.550.000
Cộng	227.017.165	40.550.000

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Trích trước CP Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	(3.529.210.789)	(69.357.708.251)	(72.886.919.040)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	726.215.773	12.951.989.298	13.678.205.071
Số dư đầu năm nay	(2.802.995.016)	(56.405.718.953)	(59.208.713.969)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(3.201.146)	10.586.509.731	10.583.308.585
Số dư cuối kỳ này	(2.806.196.162)	(45.819.209.222)	(48.625.405.384)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.136.783.050
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	347.501.000.000
Cộng	369.637.783.050

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	23.067.546.130
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	508.964.373.917
Cộng	532.031.920.047

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Công ty con
6. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết
7. Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
9. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
10. Công ty Cổ phần Thủy Hải sản MeKong	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
11. Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
12. Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc Công ty
13. Ông Phạm Hoàng Long	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
14. Bà Phạm Huyền Trang	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	2.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong Bà Phạm Huyền Trang	3.008.850.600 8.856.725.000	- 8.856.725.000
Cộng	13.865.575.600	30.856.725.000
	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.5:		
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	7.613.022.471	8.467.576.471
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	-	1.301.240.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	206.218.615.757	151.958.615.757
Công ty CPCB & XNK TS Cadovimex II	4.780.000.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Cộng	219.153.638.228	162.269.432.228
	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu cho vay dài hạn – Xem thêm mục 5.5		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000
	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12:		
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	(39.310.962.576)	(39.310.962.576)
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	(221.647.900)	(148.713.500)
Cộng	(39.532.610.476)	(39.459.676.076)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.16:		
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	(11.450.944.993)	(9.512.000.000)
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	(4.627.023.935)	(3.247.525.388)
Ông Phạm Phúc Toại	(3.735.424)	(3.735.424)
Cộng	(16.081.704.352)	(12.763.260.812)

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.11:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	(5.640.000.000)
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	(12.341.684.384)	(26.973.673.384)
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	(63.214.217.792)	(78.955.517.792)
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	(25.557.354.360)	(25.164.354.360)
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	(30.000.000)	(3.431.040.908)
Cộng	(101.143.256.536)	(140.164.586.444)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1:		
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	-	545.454.545
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	3.008.850.600	11.372.248.214
Cộng	3.008.850.600	11.917.702.759

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cho vay ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	85.650.000.000	104.098.500.818
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	380.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	-	29.093.109.310
Cộng	86.030.000.000	133.191.610.128

414
GT
HẢ
10,
LỢI
T.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi vay phải thu:		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	7.270.261.443	6.603.785.378
Cộng	7.270.261.443	6.603.785.378
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	38.681.400	32.813.183
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	-	11.120.510.846
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	-
Cộng	38.681.400	11.153.324.029
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Vay ngắn hạn nhận được trong kỳ:		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Thức Ăn Mekong	4.830.000.000	94.406.040.908
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	8.355.000.000	26.262.894.001
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	5.240.000.000	-
Cộng	18.425.000.000	124.468.934.909
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi vay phải trả:		
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	763.511.280	704.185.883
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	992.838.584	1.086.000.000
Cộng	1.756.349.864	1.790.185.883

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất từ 8%/năm đến 11%/năm đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể. Khoản cho vay đối với các bên liên quan có lãi suất 10%/năm đối với VND và không có thời gian hoàn trả tiền vay.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

052
Y
N
L
K
ONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2016.

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ NGỌC ĐIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
HOANG LONG GROUP

AD: 68 Nguyen Trung Truc, Ben Luc District,, Long An Province
☎: (072) 3872.848 E-mail: info@hoanglonggroup.com

www.hoanglonggroup.com

Số: 30/CV-HLG/2016

Bến Lức, ngày 20 tháng 07 năm 2016

V/v: “Giải trình kết quả kinh doanh
Quý 2 năm 2016 của Công ty mẹ”

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (mã chứng khoán: HLG) giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2016 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2015 là: (7.081.403.421) VND
- Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2016 là: 25.665.361.377 VND

Quý 2 năm 2016 lợi nhuận sau thuế tăng 32.746.764.798 VND so với quý 2 năm 2015 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01) tăng gấp 2,7 lần chủ yếu là hoạt động thương mại mua bán nguyên liệu, thức ăn thủy sản; đồng thời tỷ trọng giá vốn trên doanh thu giảm 15,4% dẫn đến lợi nhuận gộp (mã số 20) tăng cao.

- Tại ngày 30/06/2016 theo quy định, Công ty đánh giá lại chênh lệch tỷ giá của các khoản mục có gốc ngoại tệ có lãi trong khi cùng kỳ năm trước bị lỗ gần 7 tỷ đồng.

- Trong kỳ, công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế nên phải chuyển lỗ cho những năm trước còn lại. Do đó, công ty phải ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52) là 6,4 tỷ đồng làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 60) còn lãi 25,6 tỷ đồng.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung những thông tin trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TT, PKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO